

Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam

Trương Minh Tuấn

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

tmtuan@ueh.edu.vn

Ngày nhận: 24/07/2013
Ngày nhận lại: 05/09/2013
Ngày duyệt đăng: 25/11/2013
Mã số: 07-13-DE-16

Tóm tắt

Lạm phát và tăng trưởng kinh tế là hai chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng. Mối quan hệ giữa hai chỉ số này tác động đến nhiều mặt của nền kinh tế như tiết kiệm, đầu tư, mức sống của người dân... Bài viết này nghiên cứu mối tương quan giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN thông qua việc kiểm định mối quan hệ nhân quả trong mô hình hồi quy đa biến gồm: lạm phát, tăng trưởng kinh tế, giá dầu, cung tiền và tỉ giá hối đoái. Bài viết sử dụng mô hình VAR và ECM để kiểm định mối quan hệ nhân quả và tìm ra mối tương quan giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ dài hạn giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, cần có chiến lược phát triển kinh tế từ ngắn hạn đến dài hạn theo hướng ưu tiên phát triển kinh tế trong ngắn hạn để tạo đà kiềm chế lạm phát trong dài hạn.

Từ khóa: Lạm phát, tăng trưởng kinh tế, GDP, tăng trưởng bền vững, mô hình VAR, mô hình ECM.

Abstract

Inflation and economic growth are two important macroeconomic indexes, relationship between these indexes affects various aspects of the economy, such as saving, investment and living standard. The paper presents a research on relationship between inflation and economic growth in Vietnam through the test for causal relationship in the multiple regression model with variables representing inflation, economic growth, oil price, money supply and exchange rate. VAR and ECM models are used to test for causal relationship and identify relationship between inflation and economic growth in short and long run. The results show a long-run relationship between inflation & economic growth. In order to pursue the economic growth, it is necessary to develop the economy from a short run to a long run, especially the economic growth in a short run to control inflation in a long run.

Keywords: Inflation, economic growth, GDP, sustainable growth, VAR, ECM.

1. Giới thiệu

Lạm phát cao được coi là vấn đề kinh tế - xã hội rất nghiêm trọng ảnh hưởng đến tiết kiệm, đầu tư, tăng trưởng kinh tế. Lạm phát cao sẽ làm giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế, mất khả năng thực hiện những kế hoạch dài hạn của quốc gia. Mặt khác, nếu lạm phát được duy trì ở một tỉ lệ hợp lý thì nó trở thành một nhân tố có lợi cho sự phát triển kinh tế. Theo đó, nhiều nghiên cứu khác nhau về sự ảnh hưởng qua lại giữa tăng trưởng và lạm phát với các phương pháp khác nhau đã được công bố. Mallik & Chowdhury (2001) đã sử dụng hồi quy đồng liên kết và mô hình sai số hiệu chỉnh để xem xét mối quan hệ cùng chiều giữa tăng trưởng và lạm phát trong dài hạn tại bốn nước Nam Á là Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan và Srilanka. Thêm vào đó, Faria & Carneiro (2001) cũng sử dụng kiểm định nghiệm đơn vị được đề xuất bởi Dickey & Fuller (1979) và phương pháp phân tích phương sai dựa trên mô hình VAR cho thấy lạm phát không ảnh hưởng đến sản lượng thực tế trong dài hạn, tuy nhiên trong ngắn hạn thì sự ảnh hưởng của lạm phát đến sản lượng thực tế lại mang dấu âm.

Còn ở VN, một số tác giả cũng ứng dụng phương pháp phân tích chuỗi thời gian để tìm hiểu mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Võ Trí Thành & cộng sự (2001) phân tích mối quan hệ giữa cung tiền, lạm phát, tỉ giá hối đoái và tăng trưởng kinh tế trong khoảng thời gian 1992-1999. Kết quả cho thấy chính sách tiền tệ chỉ chạy theo những chuyển biến của lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Nguyễn Thị Thu Hằng & Nguyễn Đức Thành (2010) sử dụng mô hình ECM để phân tích mối quan hệ giữa các biến: chỉ số giá tiêu dùng (CPI), sản lượng sản xuất công nghiệp, khối tiền M2, tăng trưởng tín dụng, lãi suất, chỉ số giá sản xuất, thâm hụt ngân sách, giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán, chỉ số giá nhập khẩu, giá dầu thế giới, giá gạo thế giới từ 2000-2010. Tác giả phát hiện lạm phát trong quá khứ là nhân tố quan trọng nhất quyết định lạm phát trong hiện tại. Do đó, cần nghiên cứu một cách sâu sắc sự tác động qua lại giữa tăng trưởng và lạm phát ở VN nhằm tìm ra biện pháp ổn định lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bài nghiên cứu tập trung vào việc phân tích mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn ở VN. Bằng việc sử dụng dữ liệu theo quý ở VN từ Quý I/2001 đến Quý IV/2011, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích phương sai dựa trên mô hình VAR và mô hình sai số hiệu chỉnh ECM để kiểm định mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế trong mô hình hồi quy đa biến. Điểm khác biệt của nghiên cứu là có sự kết hợp giữa phân tích trong ngắn hạn và dài hạn. Do đó, kết quả nghiên cứu đưa ra cơ sở quản lý lạm phát phục vụ mục tiêu xây dựng chính sách tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững.

2. Các nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế

Có nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra mối quan hệ dương giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu khác lại chỉ ra mối quan hệ âm giữa hai chỉ số kinh tế vĩ mô này và các nghiên cứu khác lại không tìm ra mối quan hệ tuyến tính giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:

Mundell (1963) và Tobin (1965) nhấn mạnh lạm phát là nguyên nhân làm cho con người tránh giữ tiền mà chuyển thành các tài sản sinh lời, theo mô hình này giữa lạm phát và tăng trưởng có mối quan hệ tỉ lệ thuận. Bổ sung thêm cho quan điểm trên, nhà kinh tế học Sidrauski (1967) cho rằng khi các biến số độc lập với việc tăng cung tiền trong dài hạn thì việc tăng lạm

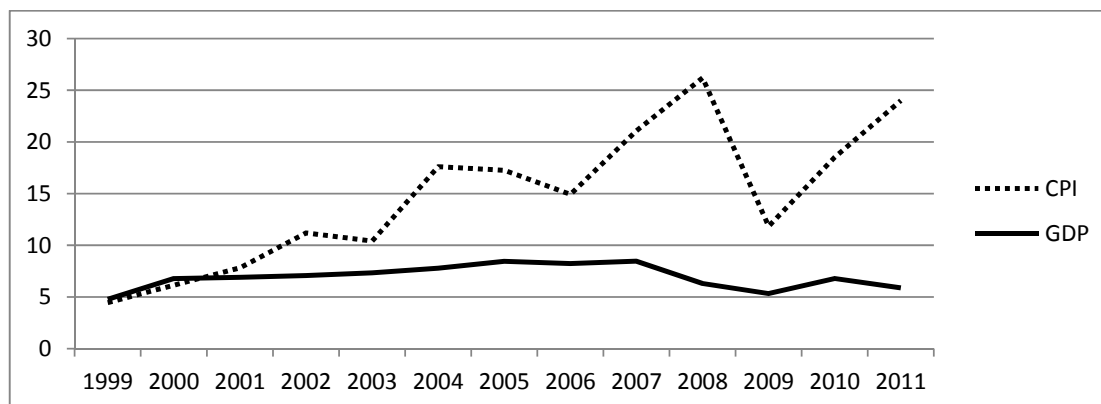
phát không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Mô hình của Stockman (1981) cho rằng lạm phát tăng cao sẽ làm cho tăng trưởng giảm.

Milton Fredman (1959) khẳng định lạm phát là sản phẩm của việc tăng cung tiền hoặc tăng hệ số tạo tiền ở mức lớn hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế; nghĩa là trong dài hạn giá cả bị ảnh hưởng bởi cung tiền chứ không thực sự tác động lên tăng trưởng; nếu cung tiền tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng thì lạm phát tất yếu sẽ xảy ra; nếu giữ cung tiền và hệ số tạo tiền ổn định thì tăng trưởng cao sẽ làm giảm lạm phát.

Fisher (1993), Barro (1996), Bruno & Easterly (1998) đã tìm thấy quan hệ âm giữa lạm phát và tăng trưởng. Nối tiếp các kết quả trên, rất nhiều nhà nghiên cứu bằng các phương pháp khác nhau đã công bố ảnh hưởng qua lại giữa tăng trưởng và lạm phát: Mallik & Chowdhury (2001) sử dụng hồi quy đồng liên kết và mô hình sai số hiệu chỉnh ECM; Faria & Carneiro (2001) cũng sử dụng kiểm định nghiệm đơn vị ADF và phương pháp phân tích phương sai dựa trên mô hình VAR... nhận thấy lạm phát không ảnh hưởng đến sản lượng thực tế trong dài hạn, tuy nhiên trong ngắn hạn thì sự ảnh hưởng của lạm phát đến sản lượng thực tế lại mang dấu âm.

3. Khảo sát mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế

Nhìn chung, tình hình lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN trong giai đoạn 1999-2011 có những diễn biến phức tạp. Giai đoạn trước năm 2007, cả 2 chỉ số đều có xu hướng tăng, tuy nhiên trong giai đoạn sau 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế có khuynh hướng giảm nhẹ trong khi tình hình lạm phát biến động mạnh trong giai đoạn này.



Hình 1. Tình hình lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN (giai đoạn 1999-2011)

Nguồn: IMF

Có thể thấy mức lạm phát thay đổi tương ứng với tốc độ tăng trưởng GDP. Khoảng thời gian từ 1999 đến 2003, do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á năm 1997-1998, tỉ lệ tăng trưởng rất thấp, thậm chí tăng trưởng âm năm 2000. Cùng thời gian đó, lạm phát cũng xoay quanh tỉ lệ tương đối thấp, đặc biệt năm 2000 đã đánh dấu là năm giảm phát thấp nhất trong lịch sử.

Khoảng thời gian từ năm 2003 đến 2007, lạm phát liên tục duy trì ở mức dưới 10%, mức có thể xem là chấp nhận được, tác động tích cực đến nền kinh tế. Bên cạnh nguyên nhân do giá dầu thế giới tăng, còn có một nguyên nhân quan trọng khác là do sự phục hồi của nền kinh tế thế giới tác động tích cực đến tăng trưởng ở VN. Với tỉ lệ tăng GDP hàng năm từ 7%-8%, VN trở thành nước có tốc độ tăng trưởng cao của thế giới. Tuy nhiên, đến khi khủng hoảng kinh tế thế giới nổ

ra năm 2008, có thể thấy sự thay đổi tương ứng giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng, tỉ lệ tăng GDP giảm mạnh từ 7,8% năm 2007 xuống còn trên 5%. Cùng với đó là mức tăng lạm phát kỷ lục 28,2% vào tháng 8/2008 đã đánh dấu việc đất nước chính thức bước vào thời kỳ kinh tế khó khăn.

Năm 2011, tỉ lệ lạm phát là 18,13%. Có thể thấy vì đeo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao trong nhiều năm, Chính phủ đã không ngừng nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, chính việc nới lỏng đến mất kiểm soát này đã làm nảy sinh rất nhiều tiêu cực. Nguồn vốn ngân hàng thay vì chảy vào các công trình xây dựng hoặc phúc lợi xã hội, đã chảy từ ngân hàng này sang ngân hàng khác và lãi suất liên tục tăng cao đến mức doanh nghiệp không thể tiếp cận với nguồn vốn cơ bản này.

4. Phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng đồng thời phương pháp hồi quy đồng liên kết, mô hình sai số hiệu chỉnh (ECM) và phương pháp phân tích phương sai dựa trên mô hình VAR để xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát ở VN trong ngắn hạn và dài hạn.

Quy trình nghiên cứu được thực hiện như sau:

Bước 1: Thu thập dữ liệu;

Bước 2: Kiểm định tính dừng của dãy số thời gian. Nếu là chuỗi dừng, chuyển sang bước 4; nếu là chuỗi không dừng thì thực hiện bước 3;

Bước 3: Sử dụng sai phân để đưa chuỗi thời gian từ không dừng thành chuỗi dừng;

Bước 4: Lựa chọn mô hình chi tiết trong mô hình ECM và VAR;

Bước 5: Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

4.2. Mô tả dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy đa biến của McCarthy (2006) để đánh giá mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế dựa trên việc phân tích chuỗi thời gian và tìm hiểu tác động của các cú sốc vào trong chỉ số giá. Trong mô hình này, chỉ số giá ở thời kỳ t được giả định chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố sau:

- Yếu tố thứ nhất là tác động của cú sốc cầu. Khi cầu tăng lên sẽ gây ra áp lực làm giá tăng lên. Do đó, khi kỳ vọng GDP tăng lên sẽ tạo ra tâm lý ảnh hưởng làm lạm phát tăng lên.

- Yếu tố thứ hai là tác động của cú sốc cung. Những yếu tố từ phía cung sẽ làm cho chi phí thay đổi và do đó làm cho giá cả đầu ra tăng lên. Giả định trong thời gian ngắn và xét trong một thị trường nhỏ thì các yếu tố trong nước tác động vào phía cung không thay đổi. Do đó, các cú sốc tác động vào phía cung chủ yếu là từ bên ngoài. Ở đây, sự thay đổi trong giá dầu thế giới được giả định là có tác động lớn nhất vào cú sốc cung vì đây là nguồn nguyên liệu quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Yếu tố thứ ba là tác động của cú sốc tiền tệ. Về mặt lý thuyết, lạm phát là hiện tượng mà lượng tiền thực tế trong lưu thông vượt quá nhu cầu. Do đó, sự thay đổi trong cung tiền sẽ gây ra những ảnh hưởng trực tiếp vào tỉ lệ lạm phát. Bên cạnh đó, sự thay đổi trong cung tiền cũng làm cho thu nhập thay đổi và do đó cầu cũng thay đổi, một lần nữa tác động gây ra cú sốc cầu.

- Yếu tố thứ tư là tác động của cú sốc tỉ giá hối đoái. Khi tỉ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào đối với nhóm sản xuất có yếu tố nước ngoài. Do đó, sự thay đổi này sẽ tạo ra cú sốc cung gây áp lực làm tăng lạm phát.

- Yếu tố thứ năm là tác động của cú sốc lãi suất. Khi lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lượng tiền thực tế trong lưu thông vì sẽ tác động vào cầu tiền. Do đó, cú sốc lãi suất sẽ tạo ra cú sốc tiền tệ.

Như vậy, lạm phát được viết lại dưới hàm số sau:

$$CPI = f(GDP, OIL, M2, E, R) \quad (1)$$

Trong đó, giá dầu thế giới (OIL) đại diện cho cú sốc cung, GDP thực (GDP) đại diện cho cú sốc cầu, mức cung tiền (M2), tỉ giá hối đoái danh nghĩa đa phương (E), chỉ số giá tiêu dùng (CPI), lãi suất (R).

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của Ito & Sato (2006) cho các quốc gia đang phát triển đã chứng minh rằng có thể loại bỏ yếu tố lãi suất mà vẫn không phá vỡ tính hợp lý của mô hình. Bên cạnh đó, Võ Trí Thành & cộng sự (2001) phân tích mối quan hệ giữa cung tiền, lạm phát, tỉ giá hối đoái và tăng trưởng kinh tế trong khoảng thời gian 1992-1999. Kết quả cho thấy chính sách tiền tệ chỉ chạy theo những chuyển biến của lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Nguyễn Thị Thu Hằng & Nguyễn Đức Thành (2010) sử dụng mô hình ECM để phân tích mối quan hệ giữa các biến: CPI, sản lượng sản xuất công nghiệp, M2, tăng trưởng tín dụng, lãi suất, chỉ số giá sản xuất, thâm hụt ngân sách, giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán, chỉ số giá nhập khẩu, giá dầu thế giới, giá gạo thế giới từ 2000-2010. Tác giả tìm ra lạm phát trong quá khứ là nhân tố quan trọng nhất quyết định lạm phát trong hiện tại.

Từ đó, ta thấy với việc có đưa thêm biến lãi suất vào mô hình hay không thì kết quả vẫn không thay đổi. Điều này được giải thích là do lãi suất ở VN vẫn còn được quản lý một cách rất chặt chẽ, lãi suất thị trường và lãi suất công bố vẫn còn chênh lệch nhiều.

Do đó, phương trình (1) được viết lại thành:

$$CPI = f(GDP, OIL, M2, E) \quad (2)$$

Để thực hiện ước lượng, ta tiến hành biến đổi phương trình (2) thành phương trình hồi quy như sau:

$$I_t = \alpha_1 G_t + \alpha_2 OIL_t + \alpha_3 M_t + \alpha_4 E_t \quad (3)$$

Trong đó:

$I = dCPI/CPI$: Cú sốc trong lạm phát;

$G = dGDP/GDP$: Cú sốc trong tổng sản phẩm quốc nội thực (cú sốc cầu);

$OIL = dOIL/OIL$: Cú sốc trong giá dầu;

$M = dM2/M2$: Cú sốc trong cung tiền;

$E = dE/E$: Cú sốc trong tỉ giá hối đoái (cú sốc cung);

Phương trình (3) cho thấy biến I phụ thuộc vào các biến: G , OIL , M , E . Trên cơ sở đó ta có phương trình thống kê như sau:

$$I_t = \alpha_0 + \alpha_1 G_t + \alpha_2 OIL_t + \alpha_3 M_t + \alpha_4 E_t + u_t \quad (4)$$

Như vậy, quá trình kiểm định được thực hiện qua các bước:

Bước 1: Kiểm định tính dừng của chuỗi thời gian đối với các biến trong mô hình bằng phương pháp kiểm định nghiệm đơn vị;

Bước 2: Kiểm định tính đồng liên kết;

Bước 3: Ước lượng mô hình sai số hiệu chỉnh ECM để phân tích mối quan hệ trong dài hạn giữa lạm phát và tăng trưởng;

Bước 4: Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

Để tiến hành quá trình kiểm định, các biến trong mô hình được thu thập dữ liệu hàng quý trong khoảng thời gian từ Quý I/2001 đến Quý IV/2011. Nguồn dữ liệu và các xác định dữ liệu ban đầu như sau:

- CPI: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng được điều chỉnh về kỳ gốc (Quý I/2001). [1]
- Tăng trưởng kinh tế: Sử dụng GDP thực theo quý được cung cấp từ trang Vietnam Report.

[2]

- Giá dầu (OIL): Giá dầu thế giới được tính theo đồng USD. [3]

- Cung tiền (M): Sử dụng khối tiền M2. [4]

- Tỷ giá hối đoái: Sử dụng tỷ giá hối đoái danh nghĩa đa phương. [4]

Tất cả dữ liệu đều được điều chỉnh về dạng logarit

Bảng 1. Thông kê dữ liệu trong mô hình

	LnI	LnG	LnOIL	LnM	LnE
Trung bình	4,626687	1,900292	3,975419	1,340467	9,715907
Trung vị	4,620551	1,945910	4,090797	1,341341	9,677570
Giá trị lớn nhất	4,691348	2,140066	4,819983	1,757822	9,951162
Giá trị nhỏ nhất	4,588024	1,131402	3,015682	0,959025	9,585162
Số quan sát	44	44	44	44	44

Nguồn: Tác giả tự tính toán từ một số nguồn: M,E: World Bank, G: Vietnam Report, I: Tổng cục Thống kê, OIL: Federal Reserve Bank of ST.Louis

4.3. Kết quả kiểm định

4.3.1. Kiểm định nghiệm đơn vị

Trước khi tiến hành chọn mô hình chi tiết và đo lường mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát, tác giả sử dụng phương pháp ADF để kiểm định tính dừng của các biến.

Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị như sau:

Bảng 2. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị

Biến	Chuỗi gốc I(0)			Chuỗi sai phân bậc 1 I(1)		
	ADF	P-value	Kết quả	ADF	P-value	Kết quả
LnI	-4,596716	0,0006	Dừng			
LnG	-0,447435	0,5151	Không dừng	-6,846327	0,0000	Dừng

lnOIL	1,194346	0,9379	Không dừng	-5,588862	0,0000	Dừng
lnM	1,461478	0,9619	Không dừng	-2,108737	0,0352	Dừng
lnE	2,636356	0,9974	Không dừng	-4,075829	0,0027	Dừng

Nguồn: Tác giả tự tính toán bằng phần mềm Eview

Kết quả kiểm định cho thấy các chuỗi thời gian trong mô hình ngoài chuỗi lnI là chuỗi dừng, các chuỗi còn lại đều là chuỗi không dừng. Tuy nhiên, các chuỗi sai phân bậc 1 của lnG, lnOIL, lnM và lnE đều là chuỗi dừng. Như vậy, có thể tồn tại mối quan hệ đồng liên kết trong dài hạn giữa các biến trong mô hình.

4.3.2. Xác định tính đồng liên kết và kiểm định mối quan hệ trong dài hạn giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Kết quả ước lượng phương trình hồi quy (4) theo phương pháp OLS như sau:

$$\hat{LnI} = 3,27 + 0,004*LnG + 0,047*LnOIL - 0,104*LnM + 0,134*LnE + u_t \quad (5)$$

Tiếp theo, kiểm định tính dừng của chuỗi $\hat{u}_t$. Nếu $\hat{u}_t$ là chuỗi dừng thì các biến trong mô hình có quan hệ đồng liên kết.

Kết quả kiểm định:

	ADF	1% level	5% level	10% level	P-value	Kết quả
$\hat{u}_t$	-6,001965	-3,596616	-2,933158	-2,604867	0,0000	Dừng

Như vậy, giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ đồng liên kết, tức là có mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa hai biến này. Tất nhiên trong ngắn hạn có sự mất cân bằng. Do đó, ta có thể coi số hạng sai số $\hat{u}_t$ là sai số cân bằng. Cơ chế hiệu chỉnh sai số được sử dụng đầu tiên bởi Sargan (1964).

Kết quả ước lượng phương trình ECM (5) như sau:

$$\hat{LnI} = 4,63 - 0,0373*D(LnG) + 0,059*D(LnOIL) - 0,085*D(LnM) + 0,212*D(LnE) + 0,47\hat{u}_{t-1} + \varepsilon_t \quad (6)$$

Kết quả trên chỉ ra rằng sự thay đổi ngắn hạn của tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng ngược chiều lên tăng trưởng và khoảng 47% sai biệt giữa các giá trị thực tế và giá trị dài hạn của tăng trưởng được loại trừ sau mỗi quý. Với p-value của tham số sai số hiệu chỉnh này là 0,000262 thể hiện khám phá này có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 1%.

Bên cạnh đó, mô hình trên cũng chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế và lạm phát có mối quan hệ đồng liên kết với hệ số đồng liên kết là -0,373 (với p-value = 0,0143). Như vậy, có thể thấy mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát trong dài hạn là nghịch biến đồng thời giá trị tuyệt đối của hệ số này nhỏ hơn 1 chứng tỏ trong dài hạn, lạm phát sẽ giảm ít hơn so với tốc độ tăng của GDP.

4.3.3. Kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế

Trong mô hình VAR đa biến, việc kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger cho ta biết được sự thay đổi của 1 biến trong mô hình chịu sự tác động của các biến nào. Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả trong mô hình VAR như sau:

Giả thuyết H₀: lnI không phụ thuộc vào dlnG được chấp nhận với chi-square = 5,962205, giá trị p-value = 0,2020

Giả thuyết H₀: dlnG không phụ thuộc vào lnI bị bác bỏ với chi-square = 8,897430, giá trị p-value = 0,0637 (ý nghĩa thống kê 10%)

Bảng 3. Kết quả kiểm định quan hệ nhân quả Granger trong mô hình VAR

Biến phụ thuộc	lnI	dlnG	dlnOIL	dlnM	dlnE
lnI		8,897430***	7,581393	8,005483***	5,995952
dlnG	5,962205		4,544637	3,586598	0,689660
dlnOIL	6,423679	3,680419		7,481606	3,173470
dlnM	2,229142	18,73517*	3,841061		0,189476
lnE	3,694959	2,932029	16,09446*	0,981178	
Toàn thể	20,91048	89,24019*	49,18380*	20,43105	17,96356

Ghi chú: * có ý nghĩa 1%, ** có ý nghĩa 5%, *** có ý nghĩa 10%

Nguồn: Tác giả tự tính toán bằng phần mềm Eview

Như vậy, có thể thấy trong ngắn hạn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chịu ảnh hưởng bởi lạm phát. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng tác động ngược lại là lạm phát ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế là không có ý nghĩa thống kê.

5. Phân tích kết quả

Kết quả thu được thống nhất với các nghiên cứu của: Fischer (1993), Barro (1996), Bruno & Easterly (1998), Khan & Senhadji (2001), đồng thời có sự khác biệt với những nghiên cứu của Tobin (1965), Mallik & Chowdhury (2001), Faria & Carneiro (2001), Nguyễn Trung Chính (2009) đã công bố. Kết quả phân tích cho thấy giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát có mối quan hệ nghịch biến trong cả dài hạn và ngắn hạn. Trong dài hạn, sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế chậm hơn sự thay đổi trong lạm phát. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, sự thay đổi của lạm phát lại ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức thay đổi trong lạm phát cao hơn mức thay đổi trong tăng trưởng kinh tế.

Trong dài hạn, dựa vào kết quả ước lượng mô hình ECM và các kết quả kiểm định Engle-Granger (EG) hay Augmented Engle-Granger (AEG). Ta thấy lạm phát và tăng trưởng kinh tế đồng liên kết với nhau theo quan hệ nghịch biến. Cụ thể, khi tăng trưởng kinh tế tăng 1% thì lạm phát giảm 0,037% và ngược lại. Do đó, để theo đuổi mục tiêu tăng trưởng bền vững cần phải kiềm chế lạm phát trong dài hạn.

Trong ngắn hạn, dựa vào kết quả ước lượng mô hình VAR và kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Ta thấy tác động của tăng trưởng kinh tế đến lạm phát trong ngắn hạn không có ý nghĩa thống kê; tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế lại chịu tác động bởi lạm phát theo quan hệ nghịch biến.

6. Kết luận và khuyến nghị

6.1. Tăng trưởng kinh tế

Kết quả kiểm định chỉ ra sự thay đổi trong tăng trưởng kinh tế chịu tác động nghịch chiều với tỉ lệ lạm phát, tỉ giá hối đoái và thuận chiều với cung tiền. Cụ thể:

Thứ nhất, khi tỉ giá hối đoái tăng lên, tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ chậm lại. Điều này được lí giải dựa trên cơ cấu kinh tế của VN, khi tỉ giá hối đoái tăng lên, nhập khẩu bị thiệt hại. Hơn nữa, nhập khẩu lại chiếm một tỉ trọng cao trong cân cán thương mại, làm ảnh hưởng đến giá cả đầu vào của quá trình sản xuất, dẫn đến đầu tư giảm và tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó, tỉ giá hối đoái tăng cũng gây áp lực lên dòng vốn đầu tư, làm sụt giảm lượng thu hút đầu tư nước ngoài - tác nhân quan trọng gây ra sự sụt giảm trong vốn đầu tư. Ngoài ra, khi tỉ giá hối đoái tăng lên sẽ gây ra tâm lí cho các nhà đầu tư vì lo ngại dòng vốn đi ra nhiều hơn dòng vốn đi vào, tạo đà cho những đợt rút vốn của các dòng vốn FDI.

Thứ hai, tốc độ tăng trưởng kinh tế lại phản ứng cùng chiều với tốc độ gia tăng cung tiền. Kết quả này cho ta thấy hiện tại, nền kinh tế VN vẫn chưa đạt mức toàn dụng và rất cần mở rộng nguồn vốn để kích thích tăng trưởng.

Thứ ba, tốc độ tăng trưởng kinh tế lại phản ứng cùng chiều với tốc độ tăng trưởng trong quá khứ. Kết quả thực nghiệm này chứng minh tốc độ tăng trưởng kinh tế phản ứng với chính chỉ tiêu này trong quá khứ. Do đó, cần phải kiên trì trong các mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã đặt ra để tạo đà cho sự phát triển kinh tế ổn định bền vững trong tương lai.

6.2. Lạm phát

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thay đổi trong lạm phát chịu tác động nghịch chiều với tăng trưởng kinh tế và thuận chiều với tốc độ tăng trưởng của cung tiền và giá dầu thế giới. Cụ thể:

Thứ nhất, khi tăng trưởng kinh tế tăng lên thì tỉ lệ lạm phát có chiều hướng giảm. Điều này một lần nữa nói lên rằng nền kinh tế VN chưa toàn dụng và đây cũng là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện biện pháp dùng lạm phát để chống lại lạm phát. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào đưa ra một mức dự báo chính xác về sự thay đổi lạm phát trong tương lai, do đó, phải hết sức thận trọng trong việc thả lỏng chỉ số giá tiêu dùng. Chính sách quản lí vĩ mô cần ưu tiên mục tiêu tăng trưởng kinh tế vì tăng trưởng kinh tế sẽ góp phần làm cho lạm phát có thể được kiểm chế.

Thứ hai, khi cung tiền tăng lên sẽ làm lạm phát gia tăng; tuy nhiên, mức ảnh hưởng này thấp hơn so với việc cung tiền tăng làm gia tăng GDP. Do đó, trong việc gia tăng cung tiền, cần cân nhắc việc đánh đổi giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và mục tiêu kiểm chế lạm phát.

6.3. Việc xây dựng chính sách phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế ổn định và bền vững

Kết quả ước lượng mô hình VAR và kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger cho thấy mối quan hệ trong ngắn hạn giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, điểm yếu của mô hình này là không thể nhận ra được xu hướng trong dài hạn giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô này.

Đối với việc xây dựng chính sách phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế ổn định bền vững, điều quan trọng là phải hiểu được mối quan hệ dài hạn giữa hai chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng là lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Kết quả ước lượng và kiểm định mô hình ECM kết luận mối quan hệ nghịch biến giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế có hệ số tương quan -0,04 và mức độ sai biệt vào khoảng 47%.

Như vậy, trong ngắn hạn cần đẩy mạnh các biện pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và do đó sẽ kiểm chế được lạm phát. Xúc tiến các giải pháp dùng lạm phát chống lạm phát để tận dụng

nguồn lực sẵn có. Thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng để gia tăng vốn cho nền kinh tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng. Kiểm soát chặt chẽ tỉ giá hối đoái để giữ vững lòng tin vào giá trị đồng nội tệ, thu hút được các dòng vốn nước ngoài như FDI và ODA.

Cần xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế trong trung và dài hạn. Tỉ lệ lạm phát cao sẽ ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế, do đó cần phải có chiến lược phát triển kinh tế từ ngắn hạn tới dài hạn theo hướng ưu tiên phát triển kinh tế trong ngắn hạn để tạo đà kiềm chế lạm phát trong dài hạn.

7. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu có những hàm ý quan trọng trong chính sách quản lý vĩ mô. Đặc biệt là sự kết hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong biện pháp dùng lạm phát để chống lạm phát. Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế như:

- Nguồn số liệu: Số liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn và thời gian thu thập dữ liệu còn hạn chế. Do đó không tránh khỏi những sai số trong quá trình tập hợp dữ liệu và tính khách quan của dữ liệu chưa cao.

- Nghiên cứu chưa phân tích và xác định các yếu tố tác động đến lạm phát và tăng trưởng kinh tế một cách chi tiết mà chỉ phân tích tác động qua lại giữa hai chỉ số kinh tế vĩ mô này.

Để bổ sung vào nghiên cứu này cần thực hiện tiếp theo một số nghiên cứu mở rộng về:

- Các nhân tố tác động đến lạm phát và mô hình quản lý lạm phát ở VN.
- Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế.
- Mô hình cho chính sách lạm phát mục tiêu ở VN■

Ghi chú

[1] Tổng cục thống kê VN

[2] <http://www.vietnam-report.com/vietnam-gdp-growth/>, tháng 12/2012

[3] Federal Reserve Bank of ST.Louis, <http://www.stlouisfed.org/>, tháng 12/2012

[4] World Bank

Tài liệu tham khảo

- Barro, R. (1996), "Inflation and Growth", *Federal Reserve Bank of St. Louis Review* (78), 153-169.
- Bruno, M. & Easterly, W. (1998), "Inflation Crisis and Long-Run Growth", *Journal of Monetary Economics* (41), 3-26.
- Daniel, L. & Rossi, M. (2002), "Exchange Rate Pass - Through in Turkey", *IMF Working Paper*, 204 (02), 1-19.
- Dickey, D.A. & Fuller, W.A. (1979), "Distribution of the Estimators for Autoregressive Time Series with a Unit Root", *Journal of the American Statistical Association* (74), 427-431.
- Faria, J.R. & Carneiro, F.G. (2001), "Does High Inflation Affect Growth in the Long and Short Run?", *Journal of Applied Economics* (4), 89-105.
- Fisher, S. (1993), "The Role of Macroeconomic Factors in Economic Growth", *Journal of Monetary Economics* (32), 485-512.
- Friedman, M. (1959), "The Demand for Money: Some Theoretical and Empirical Results", *Journal of Political Economy*, University of Chicago Press, (67), 327.

- Ito, T. & Sato, K. (2006), *Exchange Rate Changes and Inflation in Post-Crisis Asian Economies: VAR Analysis of the Exchange Rate Pass-Through*, Discussion papers 06018, Research Institute of Economy, Trade and Industry (RIETI).
- Khan, M.S. & Denhadji, A.S. (2001), “Threshold Effects in the Relationship between Inflation and Growth”, *IMF staff papers* (48).
- Mallik & Chowdhury, (2001), “Inflation and Economic Growth: Evidence from Four South Asian Countries”, *Asia-Pacific Development Journal* (8).
- McCarthy, (2006), “Pass-Through of Exchange Rates and Import Prices to Domestic Inflation in Some Industrialized Economies”, *Staff Reports*, Federal Reserve Bank of New York (11).
- Mundell, R. (1963), “Inflation and Real Interest”, *Journal of Political Economy* (71), 280-283.
- Nguyễn Thị Thu Hằng & Nguyễn Đức Thành, (2010), “Macroeconomic Determinants of Vietnam’s Inflation 2000-2010: Evidence and Analysis”, *VEPR Working Paper* (09)
- Nguyễn Trung Chính, (2009), “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát qua kết quả phân tích tại VN”, Tạp chí *Ngân hàng* (88).
- Sargan, J.D. (1964), “Wages and Prices in the United Kingdom”, *Econometric Analysis for National Economic Planning*, London.
- Sidrauski, M. (1967), “Rational Choice and Patterns of Growth in a Monetary Economy”, *American Economic Review*, 57 (2), 534–544.
- Stockman, A. C. (1981), “Anticipated Inflation and the Capital Stock in a Cash In-Advance Economy”, *Journal of Monetary Economics, Elsevier*, 8(3), 387-393.
- Tobin, J. (1965), “Money and Economic Growth”, *Econometrica* (32), 671-684.
- Vo Tri Thanh, Dinh Hien Minh, Do Xuan Truong, Hoang Van Thanh & Pham Chi Quang (2001), “Exchange Rate Arrangement in Vietnam: Information Content and Policy Options”, *East Asian Development Network (EADN)*, Individual Research Project.